**BÀI 36. PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM**

**I. Đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta**

- Các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta gồm:

+ Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

+ Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

+ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

+ Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đặc điểm chung của các vùng này là:

+ Bao gồm phạm vi của nhiều tỉnh, thành phố và ranh giới có thể thay đổi theo thời gian tuỳ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Hội tụ được nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, nguồn lao động, cơ sở hạ tầng (đường giao thông, cảng biển, cảng hàng không,...), đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng trong nước và quốc tế, hệ thống đô thị hạt nhân, cơ sở đào tạo và nghiên cứu.

+ Phát triển với nhịp độ nhanh và có đóng góp lớn vào sự tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Mức đóng góp của các vùng này với nền kinh tế ngày càng cao, chiếm khoảng 69,2% GDP cả nước (năm 2021).

Các vùng kinh tế trọng điểm đóng góp phần lớn vào trị giá xuất khẩu của cả nước, thu hút các dự án và nguồn vốn FDI. Năm 2021, 4 vùng kinh tế trọng điểm chiếm khoảng 3/4 tổng vốn FDI của cả nước.

+ Là địa bàn có khả năng thu hút các ngành mới về công nghiệp và dịch vụ tập trung phần lớn các khu công nghiệp, các ngành công nghiệp chủ lực của cả nước. Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm gần 40% GRDP của toàn bộ các vùng và khoảng 75% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước.

**II. CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM Ở NƯỚC TA**

**1. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**

**a) Quá trình hình thành và phát triển**

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ được thành lập năm 1997, gồm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương.

Năm 2004, ranh giới của vùng được mở rộng bằng việc bổ sung thêm 3 tỉnh là Hà Tây (cũ), Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

Từ sau ngày 01 - 8 - 2008, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ bao gồm 2 thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Hải Phòng và 5 tỉnh: Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh.

Năm 2021, vùng có diện tích khoảng 15,7 nghìn km2, số dân hơn 17,6 triệu người (chiếm 17,8% số dân cả nước).

**b) Các nguồn lực phát triển**

- Vị trí địa lí: tạo nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

+ Vùng tiếp giáp với nước láng giềng Trung Quốc; giáp với các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng giàu tài nguyên và lao động dồi dào.

+ Vùng có vùng biển rộng lớn, giàu tiềm năng thuộc vịnh Bắc Bộ.

- Điều kiện tự nhiên có nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất và đời sống:

+ Địa hình đồng bằng, trung du, đồi thấp

+ Đất: phù sa, feralit

+ Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh

+ Mạng lưới sông ngòi dày đặc

 → Thích hợp hình thành cơ cấu cây trồng đa dạng như cây lương thực, rau đậu, cây công nghiệp, cây ăn quả,...

+ Có một số loại khoáng sản như than đá (chiếm 90% trữ lượng cả nước), than nâu, đá vôi, cao lanh,...

- Nguồn lao động:

+ Có số dân đông, nguồn lao động dồi dào

+ Trình độ chuyên môn kĩ thuật cao là lợi thế nổi bật của vùng trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Cơ sở hạ tầng:

+ Hệ thống giao thông vận tải phát triển khá đồng bộ và hiện đại: các tuyến đường bộ kết nối nội vùng và liên vùng (quốc lộ 1, quốc lộ 5, quốc lộ 18,...); cảng biến lớn (Hải Phòng, Quảng Ninh); cảng hàng không quốc tế (Nội Bài, Cát Bi,...)...

+ Vùng còn có nhiều đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng trong nước và quốc tế, tiêu biểu là Hà Nội, Hải Phòng; có mạng lưới đô thị dày đặc với hạt nhân là Hà Nội, Hải Phòng.

+ Hệ thống cơ sở đào tạo và nghiên cứu của vùng phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước.

**c) Thực trạng phát triển kinh tế**

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đóng góp ngày càng lớn vào GDP của cả nước, đạt khoảng 26% (năm 2021).

- Ngành công nghiệp và xây dựng đóng vai trò chủ đạo, chiếm hơn 40% GRDP toàn vùng (năm 2021). Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng. Một số ngành có tỉ trọng lớn nhờ khai thác hiệu quả các thế mạnh như cơ khí; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất điện,...

- Hoạt động dịch vụ đa dạng.

+ Vùng có nhiều trung tâm thương mại lớn, phát triển mạnh nội thương và ngoại thương với các tuyến hàng hóa đi khắp mọi nơi.

+ Phát triển đầy đủ các loại hình giao thông vận tải, năng lực vận chuyển và cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện theo hướng hiện đại.

+ Du lịch phát triển với các loại hình du lịch đặc trưng như: du lịch văn hóa, lễ hội, tâm linh; du lịch biển, đảo; du lịch MICE;…

**d) Định hướng phát triển**

- Phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tập trung vào tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, trong đó, Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng; giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển khu vực phía Bắc và kết nối quốc tế.

- Xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia; phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao; các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giá trị gia tăng cao, tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu; trung tâm kinh tế biển với các ngành vận tải biển, du lịch biển, đảo, kinh tế hàng hải,...

**2. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**

**a) Quá trình hình thành và phát triển**

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được thành lập năm 1997

- Gồm 4 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

- Năm 2004, bổ sung thêm tỉnh Bình Định.

- Năm 2021, vùng có diện tích hơn 28 nghìn km2, số dân hơn 6,6 triệu người (chiếm 6,7% số dân cả nước).

**b) Các nguồn lực phát triển**

- Vị trí địa lí nằm ở vị trí trung gian và bản lề, có ý nghĩa chiến lược trong giao lưu kinh tế Bắc - Nam và Đông-Tây; là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên, các nước trong khu vực như Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan.

- Điều kiện tự nhiên:

+ Địa hình chuyển tiếp từ khu vực đồi núi, đồng bằng đến ven biển, đảo, thuận lợi để xây dựng cơ cấu kinh tế kết hợp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

+ Khí hậu nóng ẩm, địa hình và đất đai đa dạng nên thảm thực vật phong phú, diện tích rừng lớn, chiếm hơn 10% diện tích rừng cả nước (năm 2021).

+ Vùng biển rộng lớn với nguồn hải sản phong phú, đường bờ biển khúc khuỷu với nhiều vũng, vịnh,... thuận lợi xây dựng cảng nước sâu.

- Nguồn lao động: có số dân khá đông, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất; trình độ lao động đang được nâng cao.

- Cơ sở hạ tầng:

+ Mạng lưới giao thông vận tải được đầu tư phát triển, có các tuyến đường huyết mạch đi qua như quốc lộ 1, đường sắt Bắc - Nam,…; cảng nước sâu (Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định,...), cảng hàng không quốc tế (Đà Nẵng, Phú Bài).

+ Đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của vùng là Đà Nẵng. Vùng đang phát triển mạng lưới đô thị hiện đại với hạt nhân là Đà Nẵng, Huế; các cơ sở đào tạo và nghiên cứu của vùng đang được đầu tư để hiện đại hoá.

**c) Thực trạng phát triển kinh tế**

- GRDP của vùng liên tục tăng và đóng góp khoảng 5% trong GDP cả nước (năm 2021).

- Trong cơ cấu ngành kinh tế, công nghiệp và xây dựng phát triển mạnh, chiếm 31,3% GRDP của vùng, chủ yếu từ đóng góp của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Dịch vụ có vai trò quan trọng, đóng góp hơn 40% GRDP của vùng (năm 2021).

Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành thủy sản; giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp.

**d) Định hướng phát triển**

- Phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tập trung vào khu vực ven biển Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi trở thành trung tâm dịch vụ, công nghiệp, đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ chất lượng cao; trung tâm logistics và du lịch biển. Trong đó, thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng; giữ vai trò quan trọng trong liên kết và thúc đẩy phát triển các tỉnh thuộc duyên hải miền Trung, Tây Nguyên.

- Tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế; trung tâm công nghiệp lọc hóa dầu quốc gia, công nghiệp ô tô - phụ trợ ngành cơ khí, khu công nghệ cao. Phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá,...

**3. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

**a) Quá trình hình thành và phát triển**

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được thành lập năm 1998, gồm 4 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Năm 2003, lãnh thổ của vùng được mở rộng thêm 3 tỉnh là Long An, Tây Ninh, Bình Phước

- Năm 2009 bổ sung thêm tỉnh Tiền Giang.

- Năm 2021, vùng có diện tích 30,6 nghìn km2, số dân 21,8 triệu người (chiếm 22,3% số dân cả nước).

**b) Các nguồn lực phát triển**

- Vị trí địa lí: vùng nằm ở vị trí cầu nối giữa Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ; là đầu mối giao thương của các tỉnh phía nam với các vùng trong cả nước và quốc tế thông qua mạng lưới giao thông đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa và đường hàng không. Phía đông và đông nam là vùng biển rộng lớn, giàu tiềm năng.

→ Lợi thế về vị trí địa lí đã tạo cho vùng khả năng thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, có tiềm lực phát triển kinh tế vượt trội so với các vùng khác.

- Điều kiện tự nhiên:

+ Địa hình tương đối bằng phẳng với 3/4 là đồng bằng và bán bình nguyên.

+ Đất xám và đất feralit chiếm diện tích lớn, ngoài ra còn có đất phù sa sông màu mỡ

+ Khí hậu cận xích đạo gió mùa nóng ẩm là điều kiện để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, cây lương thực,...

+ Vùng có trữ lượng dầu khí lớn, là nguồn khoáng sản quan trọng phục vụ cho các ngành kinh tế.

+ Vùng biển giàu hải sản và diện tích mặt nước lớn, thuận lợi cho khai thác và nuôi trồng hải sản.

- Nguồn lao động: vùng có số dân đông, nguồn lao động dồi dào; trình độ chuyên môn cao là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

- Cơ sở hạ tầng:

+ Mạng lưới giao thông vận tải ngày càng hoàn thiện với các tuyến đường bộ (quốc lộ 1, quốc lộ 13, quốc lộ 22, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - Phan Thiết, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương,...); cảng biển lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu); cảng hàng không quốc tế (Tân Sơn Nhất).

+ Vùng có các đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của trong nước và quốc tế tiêu biểu là Thành phố Hồ Chí Minh

+ Mạng lưới đô thị phát triển với hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu,...

+ Hệ thống cơ sở đào tạo và nghiên cứu của vùng ngày càng phát triển mạnh theo hướng hiện đại.

**c) Thực trạng phát triển kinh tế**

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đóng góp hơn 33% GDP cả nước (năm 2021).

- Trong cơ cấu ngành kinh tế, công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng lớn, tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp cao hơn mức trung bình của cả nước.

+ Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có trình độ phát triển cao, nổi bật là các ngành mũi nhọn như sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất hóa chất; dệt, may; giày dép; cơ khí; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính. Khoảng 1/2 số khu công nghiệp của cả nước phân bố tập trung trong vùng này.

+ Vùng có hoạt động thương mại sôi động bậc nhất nước ta. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng liên tục tăng; trị giá xuất khẩu tăng nhanh chóng.

+ Du lịch của vùng diễn ra sôi nổi, hoạt động giao thông vận tải có tốc độ tăng trưởng nhanh.

**d) Định hướng phát triển**

- Tập trung vào tứ giác Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng; giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển khu vực phía Nam và kết nối quốc tế.

- Xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục - đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số hàng đầu cả nước và khu vực Đông Nam Á.

- Phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng, khoa học - công nghệ, logistics.

- Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, các công viên phần mềm, trí tuệ nhân tạo.

- Phát triển kinh tế biển như dịch vụ logistics, khai thác, chế biến dầu khí, du lịch biển.

**4. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

**a) Quá trình hình thành và phát triển**

- Vùng được thành lập vào năm 2009, gồm 4 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.

- Năm 2021, vùng có diện tích 16,6 nghìn km2, số dân khoảng 6,1 triệu người (chiếm hơn 6,2% số dân cả nước).

**b) Các nguồn lực phát triển**

- Vị trí địa lí:

+ Vùng có vị trí kinh tế - chính trị quan trọng, tiếp giáp Cam-pu-chia và có vùng biển rộng lớn, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội và giao thương với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

+ Là nơi hội tụ của các đầu mối giao thông quan trọng về đường biển, đường bộ, đường hàng không của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Điều kiện tự nhiên:

+ Vùng được hình thành chủ yếu do sự bồi tụ phù sa của hệ thống sông Cửu Long nên địa hình tương đối bằng phẳng.

+ Vùng có nhiều nhóm đất (đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn,...)

+ Khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa.

+ Hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt, thuận lợi để trồng lúa, rau đậu, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả,...

+ Dầu khí, đá vôi là những khoáng sản quan trọng của vùng.

- Nguồn lao động cần cù, có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, thích ứng nhanh với sự thay đổi của điều kiện sản xuất và thị trường.

- Cơ sở hạ tầng:

+ Mạng lưới giao thông vận tải phát triển rộng khắp trong vùng với đầy đủ các loại hình: các tuyến đường bộ (quốc lộ 1, quốc lộ 91,...), cảng hàng không quốc tế (Cần Thơ, Phú Quốc), cảng biển (Kiên Giang, Cà Mau).

+ Đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng trong nước và quốc tế, tiêu biểu là thành phố Cần Thơ.

+ Vùng có mạng lưới đô thị khá dày với hạt nhân là Cần Thơ, Rạch Giá.

+ Hệ thống cơ sở đào tạo và nghiên cứu của vùng ngày càng phát triển.

**c) Thực trạng phát triển kinh tế**

- Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đóng góp khoảng 4% GDP cả nước (năm 2021).

- Trong cơ cấu ngành kinh tế, ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất, đạt 40,9%; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đứng thứ hai với 30,8%; công nghiệp và xây dựng đóng góp tỉ trọng nhỏ nhất với 23,0% (năm 2021).

- Trong cơ cấu ngành công nghiệp và xây dựng, nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ đạo, có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Một số ngành công nghiệp chính của vùng là sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất điện; dệt, may; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí; sản xuất hóa chất.

- Đây là vùng sản xuất lúa lớn nhất cả nước. Trồng cây ăn quả là thế mạnh nổi bật với diện tích, sản lượng không ngừng gia tăng. Khai thác và nuôi trồng thủy sản giữ vai trò quan trọng trong đời sống và nền kinh tế của vùng, trong đó nuôi trồng thủy sản đóng góp chủ yếu cho sự gia tăng giá trị sản xuất.

- Nguồn nguyên liệu dồi dào tạo tiền đề cho các hoạt động thương mại, giao thông vận tải, du lịch của vùng phát triển khá sôi động.

**d) Định hướng phát triển**

- Phát triển tập trung vào tam giác Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang, trong đó thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực phụ cận.

- Xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

- Phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, cơ khí, hóa chất phục vụ nông nghiệp.

- Hình thành các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh; phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ về nông nghiệp quốc gia và các dịch vụ phục vụ nông nghiệp.

- Phát triển kinh tế biển, tập trung xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mạnh, mang tầm quốc tế; kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm?

A. Hội tụ các yếu tố thuận lới. B. Được ưu tiên đầu tư.

C. Có đóng góp lớn cho quốc gia. D. Phạm vi lãnh thổ không thay đổi.

**Câu 2.** Các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta đều có sự giống nhau về

A. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

B. nền kinh tế hàng hóa phát triển từ rất sớm.

C. các yếu tố thuận lợi để phát triển được hội tụ đầy đủ.

D. chiếm tỉ trọng cao trong GDP cả nước.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

A. Được hình thành từ lâu đời. B. Phạm vi lãnh thổ có sự thay đổi.

C. Hội tụ các yếu tố thuận lợi để phát triển. D. Được ưu tiên đầu tư.

**Câu 4.** Các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta đều có thế mạnh để phát triển

A. khai thác khoáng sản. B. kinh tế biển. C. thủy điện. D. sản xuất lương thực.

**Câu 5.** Vùng kinh tế trọng điểm có tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu GRDP cao nhất (năm 2021) là

A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 6.** Năm 2021, vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây đóng góp vào GDP của cả nước lớn nhất?

A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 7.** Trong các vùng kinh tế trọng điểm sau đây, vùng nào thành lập muộn nhất?

A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8.** Vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây bao gồm nhiều tỉnh, thành phố nhất?

A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9.** Đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm là

A. bao gồm 5 tỉnh, thành phố, có ranh giới rõ ràng và không thay đổi.

B. bao gồm một phạm vi nhất định của những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

C. bao gồm nhiều tỉnh, thành phố; có ranh giới, có thể thay đổi, theo từng thời kì.

D. có định hướng phát triển và sự thay đổi đều theo mốc thời gian giống nhau.

**Câu 10.** Các vùng kinh tế trọng điểm đều có

A. tài nguyên thiên nhiên phong phú, tiếp giáp với Trung Quốc và Lào.

B. thiên nhiên đa dạng, cảnh quan hùng vĩ.

C. dân cư và nguồn lao động đông, chất lượng lao động cao.

D. mạng lưới kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật được đầu tư, nâng cấp.

**Câu 11.** Tính đến năm 2021, Việt Nam có bao nhiêu vùng kinh tế trọng điểm?

A. 2 vùng. B. 3 vùng. C. 4 vùng. D. 5 vùng.

**Câu 12.** Thế mạnh nào sau đây **không** phải của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?

A. Vị trí thuận lợi cho giao lưu trong nước và quốc tế.

B. Nguồn lao động lớn, chất lượng cao hàng đầu của cả nước.

C. Có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta.

D. Có nhiều cảng biển nước sâu nhất cả nước.

**Câu 13.** Một nguồn lực kinh tế - xã hội nổi bật của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

A. số dân đông, nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất cả nước.

B. có nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thế giới.

C. nguồn lao động có tay nghề cao, năng động, sáng tạo, thích ứng với nền kinh tế thị trường.

D. người dân có kinh nghiệm trồng lúa, nuôi trồng và khai thác thủy sản.

**Câu 14.** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ bao gồm các tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Hưng Yên, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh

B. Quảng Ninh, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình Nam Định.

C. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định Thái Nguyên, Phú Thọ.

D. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Bình Nam Định, Vĩnh Phúc.

**Câu 15.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?

A. Vị trí địa lí thuận lợi trong giao lưu, có Thủ đô Hà Nội.

B. Cơ sở hạ tầng phát triển, đặc biệt là hệ thống giao thông.

C. Có nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.

D. Khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản, rừng.

**Câu 16.** Thế mạnh nổi bật nhất của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là

A. chăn nuôi gia súc. B. khai thác lâm sản.

C. phát triển tổng hợp kinh tế biển. D. phát triển công nghiệp năng lượng.

**Câu 17.** Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm các tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

B. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam.

C. Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Trị.

D. Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

**Câu 18.** Biểu hiện nào sau đây **không** thể hiện được Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng kinh tế trọng điểm phát triển nhất cả nước (năm 2021)?

A. Đóng góp lớn nhất vào GDP cả nước.

B. Bao gồm nhiều tỉnh, thành phố nhất cả nước.

C. Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong trị giá xuất khẩu của cả nước.

D. Cơ cấu kinh tế hiện đại.

**Câu 19.** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm các tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang.

B. Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang.

C. Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương,Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre.

D. Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Ninh Thuận, Long An, Tiền Giang.

**Câu 20.** Cho bảng số liệu sau:

*Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **GRDP****Tiêu chí** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản** | **Công nghiệp, xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| Cơ cấu GRDP *(%)* | 6,4 | 42,6 | 40,8 | 10,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

Để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021 biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền. B. Tròn. C. Cột. D. Cột ghép.

**Câu 21.** Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm các tỉnh thành phố nào sau đây?

A. Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau. B. Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Kiên Giang.

C. Tiền Giang, Long An, Tiền Giang, Kiên Giang. D. Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Cà Mau.

**Câu 22.** Thế mạnh nào sau đây **không** phải của Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Quỹ đất nông nghiệp lớn, nguồn nước dồi dào.

B. Lao động dồi dào, có kinh nghiệm trồng lúa nước.

C. Cơ sở hạ tầng hiện đại, hoàn thiện nhất cả nước.

D. Tài nguyên biển phong phú, đa dạng.

Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai

**Câu 23.** *Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là Vùng kinh tế phát triển năng động, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các vùng xung quanh.*

A. Đây là vùng có nền kinh tế phát triển hàng đầu và đóng góp lớn vào GDP của cả nước.

A. Đúng. B. Sai.

B. Vùng có Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm thương mại, tài chính – ngân hàng,… đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết phát triển khu vực phía Nam và kết nối quốc tế.

A. Đúng. B. Sai.

C. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vùng hạn chế thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài để bảo vệ môi trường.

A. Đúng. B. Sai.

D. Vùng có hoạt động thương mại sôi động, trị giá xuất khẩu của vùng tăng trưởng nhanh và luôn giữ vị trí cao so với các vùng kinh tế trọng điểm khác ở nước ta.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 24.** Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ CHỈ SỐ CỦA CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM Ở NƯỚC TA, NĂM 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Vùng KTTĐ****Bắc Bộ** | **Vùng KTTĐ****miền Trung** | **Vùng KTTĐ phía Nam** | **Vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 15,7 | 28,0 | 30,6 | 16,6 |
| Số dân *(triệu người)* | 17,6 | 6,6 | 21,8 | 6,1 |
| GRDP theo giá hiện hành *(nghìn tỉ đồng)* | 2243,6 | 458,6 | 2 835,6 | 346,6 |

**a)** GRDP theo giá hiện hành của cả vùng KTTĐ Bắc Bộ thấp hơn vùng KTTĐ miền Trung.

A. Đúng. B. Sai.

**b)** Vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long có GDP bình quân đầu người thấp nhất.

A. Đúng. B. Sai.

**c)** Vùng KTTĐ phía Nam có GRDP theo giá hiện hành rất cao do có tiềm lực phát triển kinh tế vượt trội so với các vùng KTTĐ khác.

A. Đúng. B. Sai.

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện GRDP theo giá hiện hành của các vùng KTTĐ.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 25.** Biết năm 2021, chỉ số GRDP/người của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là 129,6 triệu đồng, của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 56,8 triệu đồng. Cho biết chỉ số GRDP/người của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 thấp hơn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao nhiêu triệu đồng (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

**Câu 26.** Cho bảng số liệu:

Số dân và quy mô GRDP của các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta năm 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế trọng điểm** | **Số dân (triệu người)** | **GRDP (nghìn tỉ đồng)** |
| Bắc Bộ | 17,6 | 2249,2 |
| Miền Trung | 6,6 | 449,6 |

Căn cứ bảng số liệu trên, cho biết năm 2021, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có GRDP/người cao hơn vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao nhiêu triệu đồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 27.** Cho bảng số liệu.

Diện tích và số dân các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta năm 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế trọng điểm** | **Số dân (triệu người)** | **Diện tích (nghìn km2)** |
| Bắc Bộ | 17,6 | 15,7 |
| Phía Nam | 21,8 | 30,6 |

Căn cứ bảng số liệu trên, cho biết năm 2021 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có mật độ dân số cao hơn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao nhiêu người/km2, (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).